

Tập 62

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi ba:

(Sớ) Như manh giả, Như Lai ở Thệ Đa lâm trung, diễn Đại Hoa Nghiêm, bử thời thượng đức Thanh Văn, Thân Tử Mục Liên đẳng, như manh như lung.

(疏)如盲者，如來於逝多林中，演大華嚴，彼時上德聲聞，身子目連等，如盲如聾。

(Sớ: “Như mù”: Trong rừng Thệ Đa, đức Như Lai diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm, lúc ấy, bậc thượng đức Thanh Văn như Thân Tử, Mục Liên v.v... như lòa, như điếc).

Đây là lời giải thích câu “*Hoa Tạng như manh*” trong phần nhân duyên thứ sáu. “*Thệ Đa lâm*” (Jetavana) chính là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Đoạn này nằm trong hội thứ chín của kinh Hoa Nghiêm¹, nói rõ kinh Đại Thừa chẳng khác hợp tiểu cơ (căn cơ Tiểu Thừa), tức là người

¹ Kinh Hoa Nghiêm gồm bảy xứ chín hội, tức là được thuyết pháp ở bảy nơi và chia thành chín pháp hội:

1. Hội thứ nhất tại Bồ Đề Đạo Tràng ở phía Tây thành Vương Xá. Pháp hội này do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.
 2. Hội thứ hai tại điện Phổ Quang Minh bên bờ sông Ni Liên Thiên, do Văn Thù Bồ Tát chủ trì.
 3. Hội thứ ba tại điện Diệu Thắng trên cõi trời Đạo Lợi, do Pháp Huệ Bồ Tát chủ trì.
 4. Hội thứ tư tại điện Bảo Trang Nghiêm trên cõi trời Dạ Ma do Công Đức Lâm Bồ Tát chủ trì.
 5. Hội thứ năm tại điện Nhất Thiết Diệu Trang Nghiêm trên trời Đâu Suất, do Kim Cang Tràng Bồ Tát chủ trì.
 6. Hội thứ sáu tại điện Ma Ni Bảo Tạng trên cung trời Tha Hóa Tự Tại do Kim Cang Tạng Bồ Tát chủ trì.
 7. Hội thứ bảy trở về điện Phổ Quang Minh, do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.
 8. Hội thứ tám cũng ở điện Phổ Quang Minh, cũng do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.
 9. Hội thứ chín ở rừng Thệ Đa, hội này do chính Thích Ca Mâu Ni Phật chủ trì.
- Nói “chủ trì” có nghĩa là trong pháp hội ấy, một vị Bồ Tát thượng thủ sẽ trần thuật cảnh giới, sở chứng của các pháp môn thuộc những địa vị ấy, chứ trong cả chín hội, đức Tỳ Lô Giá Na Phật luôn hiện diện, dùng thần lực vân tập chư Bồ Tát diễn nói cảnh giới giải thoát.

căn khí nhỏ nhoi không nhận biết giá trị, hiển thị pháp môn Niệm Phật “*thích hợp khắp ba căn, gồm thân lợi căn và độn căn*”.

(Sớ) *Đỗ thị tuyệt thính, nãi chí tích hành Bồ Tát, do vân bộc tai², minh cao chí tắc đạo đại cơ tiểu cố.*

(疏)杜視絕聽，乃至積行菩薩，猶云曝顯，明高之則道大機小故。

(Sớ: “*Lấp thấy, dứt nghe*”: Thậm chí hàng Bồ Tát tu hành đã lâu vẫn còn mẽ đầu sút trán, cho thấy đạo thì cao rộng mà căn cơ thì nhỏ nhoi vậy).

Hai câu này nhằm nói rõ ý nghĩa ấy. “*Tích hành*”, “*hành*” là tu hành. Nói cách khác, vị Bồ Tát ấy là Bồ Tát tu hành trong nhiều kiếp, chẳng phải là Sơ Phát Tâm. Thế nhưng Ngài vẫn chẳng thể nghe pháp Nhất Thừa là pháp chân thật trong Phật pháp “*duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba). Đạo lớn, mà căn tánh nhỏ, căn tánh Tiểu Thừa mà! “*Tích hành Bồ Tát*” chính là Tạng Giáo Bồ Tát, họ cũng chẳng thấy, chẳng nghe!

“*Tăng kết*”: “*Kết*” (結) là chướng ngại, mà cũng là phiền não. Chẳng những không thể trừ chướng, mà ngược lại còn tăng thêm. Đương nhiên cũng là do pháp chẳng khế hợp căn cơ, nên mới có những thứ chướng ngại sanh ra. Đức Phật quả thật hết sức từ bi, đức Phật có pháp nào để nói hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa đã nói không ít lần: “*Phật vô hữu pháp khả thuyết*” (Đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói). Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật không có pháp nhất định nào để nói). Chúng ta phải hiểu rõ điều này! Rốt cuộc đức Phật thuyết pháp nhằm lẽ gì? Ứng theo bệnh tình mà cho thuốc, Ngài không có một phương cách nhất định nào! Chúng sanh bị bệnh gì, Ngài bèn trao cho họ phương pháp đó, phương pháp đó nhằm

² “*Bộc tai*” có nghĩa là thử thách khó khăn không thể vượt qua được, khiến người bị thử thách thất bại ê chề. Thành ngữ này bắt nguồn từ một câu chú thích trong sách Giao Châu Ký của Lưu Hân: “*Hữu đê phòng Long Môn, thủy thâm bách tâm, đại ngư dăng thử môn hóa thành long, bất đắc quá, bộc tai điểm ngạch, huyết lưu thử thủy hằng như đan trì*” (Có cái đê ngăn nước ở Long Môn, nước sâu đến một trăm tâm, cá to nhảy vượt được cửa này sẽ hóa thành rồng, chẳng vượt qua được sẽ vỡ mặt, thùng đầu, máu thấm vào nước khiến nơi đó thường [đỏ chót] như cái ao son).

trị lành chứng bệnh ấy. Quý vị lành bệnh rồi, thuốc cũng chẳng còn, pháp cũng chẳng còn, chúng ta phải hiểu rõ nguyên lý nguyên tắc này.

Do vậy, chúng ta tu học Phật pháp phải chú ý, Phật pháp từ đầu đến cuối chỉ là phá chấp trước mà thôi! Phá chấp: Chấp trước là bệnh; phá chấp trước chính là thuốc. Chấp trước không còn, đương nhiên phương pháp phá chấp trước cũng chẳng dùng tới, cũng chẳng còn nữa! Nhưng hiện thời, nói thật ra, đối với chúng ta, đây là một thứ bệnh tình rất nghiêm trọng, phàm phu không có cách nào chẳng chấp trước. Chúng ta rất muốn không chấp trước, nhưng không có cách nào tách rời [chấp trước], nên gọi là phàm phu. Dạy phàm phu làm như thế nào? Khéo chọn cách cố chấp! Đây là phương tiện thiện xảo nhằm răn dạy kẻ sơ học. Nếu nâng lên một mức cao hơn thì thiện cũng đừng cố chấp, như vậy thì mới có thể đột phá. Phá gì vậy? Phá vô minh, chứng Pháp Thân. Kinh đã nêu lên những trường hợp như thế.

Nói cách khác, những thứ bệnh tình ấy, đối với chúng ta đang thuộc địa vị phàm phu thì bệnh gì cũng đều có cả! Làm như thế nào để trừ khử những bệnh ấy? Chuyện này đích xác chẳng phải là chuyện dễ, ắt cần phải đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải thân cận Như Lai, chẳng thể tách rời Như Lai. Mỗi ngày đọc kinh là nghe Phật thuyết pháp. Luôn luôn là một loại kinh, hằng ngày niệm cùng một thứ, còn có ý niệm nào nữa? Hằng ngày cùng một thứ là điều khẩn yếu, là điều quan trọng nhất. Bởi lẽ, Phật pháp khác với các sách vở thế gian, quý vị đọc sách vở thế gian một lượt, chẳng muốn đọc lần thứ hai. Vì sao? Đã hiểu hết ý nghĩa rồi. Đọc xong chẳng còn hứng thú nữa. Phật pháp chẳng giống như vậy. Phật pháp là tu hành, Phật pháp là Tam Học Giới - Định - Huệ cùng hoàn thành một lượt!

Nội dung của giáo học Phật pháp là ba khoa: Giới - Định - Huệ. Kinh điển chia thành Tam Tạng: Kinh, Luật, Luận. Kinh chủ yếu nói về Định Học, Luật là nói về Giới Học, Luận là nói về Huệ Học. Giới - Định - Huệ là ba đại cương lãnh của toàn bộ Phật pháp. Đọc kinh và niệm Phật đều là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ trong cùng một lúc. Khi đọc kinh, tâm chúng ta không có một vọng niệm, không có một ác niệm nào, đây là “*chư ác mạc tác*” (đừng làm các điều ác). Kinh điển do Chân Như bốn tánh của Như Lai lưu lộ thành ngôn ngữ, văn tự, thật sự là điều tốt lành nhất trong những điều tốt lành, Nho gia nói “*chỉ ư chí thiện*” (đạt đến điều tốt lành tột bậc), kinh điển là “*chí thiện*”. Do vậy, chúng ta đọc kinh là “*chúng thiện phụng hành*” (vâng làm các điều lành). Quý vị thấy đó: Ý nghĩa của Giới viên mãn. Giới Luật là “đừng

làm các điều ác, vâng làm các điều lành”. Quý vị hãy suy nghĩ: Một câu Nam-mô A Di Đà Phật cũng là chẳng khởi ác niệm, câu A Di Đà Phật này được chư Phật tán thán, càng là điều lành nhất trong các điều lành, là tinh hoa của chí thiện. Niệm một câu Phật hiệu, mười phương chư Phật không vị Phật nào chẳng hoan hỷ, huống chi Phật hiệu diễn bày ý nghĩa “quy y Vô Lượng Giác”, ý nghĩa này quá hay! Quý vị niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, giới luật viên mãn, chẳng sót một điều nào! Bình thường quý vị trì giới chẳng để gì trì viên mãn, đâu biết một câu A Di Đà Phật chính là các giới luật Đại Tiểu Thừa, thế gian, xuất thế gian thấy đều cùng tu, chẳng sót một điều nào. Khi niệm kinh phải nhất tâm niệm, chuyên tâm niệm. Kinh thường nói “*nhất tâm xưng danh*”, nhất tâm là Định. Chuyên tâm đọc kinh, chuyên tâm là Định. Niệm một bộ kinh từ đầu đến cuối rõ ràng, từng chữ phân minh, đó là Huệ.

Đạo tràng này của chúng ta dành nhiều thời gian giảng kinh, có nhiều đạo tràng chẳng giảng kinh, nhưng mỗi tháng hoặc mỗi tuần, hoặc hai tuần làm pháp hội một lần, mọi người họp nhau niệm kinh; như Hoa Nghiêm Liên Xã, mỗi nửa tháng có một lần mở pháp hội tụng kinh Hoa Nghiêm, công đức vô lượng, có pháp sư hướng dẫn mọi người niệm. Đây là tu học Tam Học được hoàn thành cùng một lúc. Do vậy, khi tôi ra nước ngoài, hy vọng đạo tràng này của chúng ta mỗi tuần tối thiểu có một lần niệm kinh, niệm A Di Đà Kinh Sớ Sao. Nếu chư vị có thể niệm Sớ Sao từ đầu đến cuối mấy lượt, sau đấy nghe giảng sẽ thấy khác hẳn: Nói đến phần đầu, quý vị bèn nghĩ đến phần sau, nói đến phần sau thì trước sau đều có thể kết nối, dễ dàng khai ngộ, có được điều tốt lành như thế ấy. Vì thế, công đức niệm kinh là vô lượng.

Chúng ta nên dưỡng thành thói quen, nếu hằng ngày niệm kinh, chính là hằng ngày thân cận Phật, Bồ Tát. Chuyên tâm niệm, chẳng cần suy nghĩ, chẳng nghĩ kinh có ý nghĩa gì. Vì sao? Nhất tâm niệm! Quý vị suy nghĩ thì sẽ là nhị tâm, tam tâm, chẳng nên! Nhất tâm niệm sẽ khai ngộ, ý nghĩa [của kinh văn] đột nhiên xuất hiện, chứ không do quý vị suy nghĩ, đó là ngộ! Chỉ cần quý vị thường xuyên niệm, sẽ thường có ngộ xứ, đọc lần nào cũng có ngộ xứ. Vì thế, đọc kinh này chẳng chán. Nhất tâm niệm, niệm kinh và niệm Phật là tu Định. Khi đọc kinh, từng chữ phân minh là tu Huệ. Huệ là hiểu rõ hết thấy, nhưng không có phân biệt, chấp trước. Thứ gì cũng hiểu rõ, lìa phân biệt, chấp trước, đó là trí huệ thật sự, là Căn Bản Trí. Niệm Phật cũng giống như vậy, cổ đức bảo chúng ta: “*Sáu chữ hồng danh, từng chữ phân minh, niệm rõ ràng, nghe*

rõ ràng”, phải dùng phương pháp ấy. Đây là Tam Học huân tu cùng một lúc, phương pháp này thật sự màu nhiệm đến tột bậc.

Tôi thừa cùng các vị đồng tu, bản thân tôi dành nhiều thời gian để đọc kinh, mỗi ngày tôi thiểu đọc kinh bốn tiếng đồng hồ. Hiện thời những kinh tôi đọc đều rất chuyên, tức là đọc kinh Hoa Nghiêm, Di Đà Kinh Sớ Sao. Năm ngoái ở Mỹ quốc, tôi đọc Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, đây là chú giải của ngài Hiền Thủ dành cho bộ Lục Thập Hoa Nghiêm. Chúng ta tự mình tu hành nếu muốn thật sự có thành tựu, nhất định phải tuân thủ hai nguyên tắc sau đây: Một là chẳng gián đoạn, hai là không xen tạp, nhất định phải chuyên!

(Sớ) Tăng kết giả.

(疏) 增結者。

(Sớ: “Tăng kết” là...)

Kẻ ấy chẳng khéo tu học, tăng trưởng phiền não.

(Sớ) Tịnh Danh Kinh vân.

(疏) 淨名經云。

(Sớ: Kinh Tịnh Danh chép...)

Trong kinh Duy Ma Cật có một công án.

(Sớ) Hữu nhị tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, phát lộ cầu sám, Ưu Ba Ly vị y Luật định tội, nghi tâm bất thích.

(疏) 有二比丘犯根本戒，發露求懺，優波離為依律定罪，疑心不釋。

(Sớ: Có hai tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, bày tỏ, sám hối, tôn giả Ưu Ba Ly y theo Giới Luật kết tội họ, tâm họ nghi hoặc không cởi gỡ được).

Có hai vị tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới. Căn Bản Giới là bốn điều “giết, trộm, dâm, dối”. Sau khi phá giới bèn cầu sám hối. Tôn giả Ưu Ba Ly (Upāli) là vị trì giới bậc nhất trong mười đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ đối trước Ngài cầu sám hối. “Phát lộ” có nghĩa là phơi bày,

đem tất cả những tội lỗi chính mình đã phạm thấy đều nói hết ra, nói hết chẳng giấu diếm mảy may nào! Đó gọi là “*phát lộ sám hối*”. Tôn giả Ưu Ba Ly chiếu theo giới luật do đức Phật chế định để kết tội họ, phán định tội nghiệp nặng hay nhẹ. Hai tỳ-kheo ấy thấy ngài Ưu Ba Ly định tội họ, trong tâm nghi hoặc, không có cách nào tiêu trừ nổi ngờ vực ấy được. Khi đó, họ gặp cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakīrti, Tịnh Danh). Ngài Ưu Ba Ly học Tiểu Thừa, tôn giả Duy Ma là Đại Thừa Bồ Tát, quan niệm của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Trong Tiểu Thừa, tội ấy chẳng được phép sám hối.

(Sớ) Tịnh Danh ngôn: “Nhữ vô dĩ thường pháp nhiễu loạn kỳ tâm, trọng tăng thử nhị tỳ-kheo tội”.

(疏)淨名言：汝毋以常法擾亂其心，重增此二比丘罪

。

(Sớ: Ngài Tịnh Danh nói: “Ông đừng lấy thường pháp nhiễu loạn tâm họ, khiến cho tội của hai vị tỳ-kheo này nặng thêm”).

Thấy tình hình ấy, tôn giả Duy Ma quở trách tôn giả Ưu Ba Ly. Ngài nói: “Ông đừng nên dùng giới luật bình thường (giới luật Tiểu Thừa) để định tội họ, đâm ra khiến họ càng nặng tội thêm. Họ đã hoài nghi, như vậy là ông đã đánh mất lòng từ bi, nhiễu loạn tâm họ, tăng thêm tội cho họ”. Đây là trọng tăng (tăng nặng thêm), tăng kết (tăng thêm phiền não) đấy!

(Diễn) Thường pháp tức thị y Luật định tội. Vô nhiễu loạn kỳ tâm giả, vị đương trực đàm tội tánh bản không, bất tại nội ngoại trung gian đẳng dã.

(演)常法即是依律定罪。毋擾亂其心者，謂當直談罪性本空，不在內外中間等也。

(Diễn: “Thường pháp” là căn cứ theo Luật để định tội, “đừng nhiễu loạn tâm họ” ý nói: Hãy nên nói thẳng tội tánh vốn không, chẳng ở trong, ngoài, chặng giữa v.v...)

Như vậy thì mới thật sự tăng trưởng tín tâm cho họ. Quý vị phải hiểu: Nếu chúng ta thường cảm thấy bản thân ta nghiệp chướng rất nặng,

tội nghiệp rất nặng, trong tâm thường có ý niệm ấy, đối với sự tu học của chính mình sẽ có chướng ngại không chỉ lớn bằng. Tội ấy có thật hay chẳng? Thật sự có! Chẳng giả! Quý vị chưa ra khỏi tam giới [thì tội ấy] sẽ là thật sự có. Vì sao cư sĩ Duy Ma Cật chẳng dùng giới luật Tiểu Thừa để kết tội, mà lại bảo quý vị hãy dùng cách quán tưởng của Đại Thừa để diệt tội? Giúp cho quý vị vượt thoát tam giới, đả phá những mối nghi ngờ lo âu trong lòng quý vị. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “*Tội từ tâm khởi tương tâm sám*” (tội từ tâm khởi, đem tâm sám). Tội từ đâu mà có? Do tâm đã mê rồi nên mới vọng động, tội nghiệp từ mê ấy mà ra! Sanh từ tâm! Chúng ta thấy như trong kinh Bát Nhã, kinh Lăng Nghiêm đã nói, tâm ở tại chỗ nào? Tìm tâm trọn chẳng thể được! Tâm đã không có, còn có tội ở nơi đâu? Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Nói cách khác, hễ quý vị có tâm là có tội, vô tâm bèn vô tội. Đó là pháp Đại Thừa, trưởng giả Duy Ma quở trách tôn giả Ưu Ba Ly là vì chỗ này!

Bởi lẽ, tôn giả Ưu Ba Ly hữu tâm, hàng Tiểu Thừa dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng lìa tâm ý thức; bởi vậy, nhất định phải chiếu theo Luật Tạng để kết tội. Hàng Đại Thừa lìa tâm ý thức, tìm tâm trọn chẳng thể được! Tìm tội, tội ở nơi đâu? Như vậy thì mới có thể vượt thoát. Có tư tưởng này thì trong một đời này niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương, quý vị mới chắc chắn nắm chắc. Thường có tội chướng vây bủa trong tâm của chính mình tức là tự tạo chướng ngại, tự chuốc phiền phức, làm sao quý vị đạt cái tâm thanh tịnh cho được? Tâm tịnh, cõi nước tịnh. Quý vị chưa đạt được cái tâm thanh tịnh mà!

Vì thế, cách trưởng giả Duy Ma răn dạy người học cao minh lắm! Phá hết thấy nghi chướng, trong một đời này viên chứng Bồ Đề, thẳng thừng, thỏa đáng nói “*tội tánh bốn không*”, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, giống hệt như trong kinh Lăng Nghiêm tìm tâm bảy chỗ trọn chẳng thể được! Đây là người thật sự giác ngộ! Đối với người mê thì không được, kẻ mê sẽ thấy có trong, ngoài, trung gian, khó lắm! Vì thế, Phật pháp chỗ nào cũng đều nhằm dạy con người phá mê khai ngộ. Sau khi khai ngộ mới có thể thật sự đạt được tự tại. Đoạn kế tiếp có liên quan mật thiết với đoạn này, đây là điều mà Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca.

(Sớ) Vĩnh Gia nghĩ chi huỳnh quang, vị bất năng khai kỳ mê ám, nhi phản tăng ích chi dã.

(疏)永嘉擬之螢光，謂不能開其迷暗，而反增益之也

。

(Sớ: Ngài Vĩnh Gia phê là “ánh sáng đom đóm”, ý nói: [Trí huệ Tiểu Thừa] chẳng thể soi tan sự mê ám, mà ngược lại còn làm tăng thêm).

Đây là dạy học chẳng khế cơ, chẳng đúng pháp. Không chỉ chẳng thể khiến cho người khác phá mê khai ngộ, mà trái lại còn khiến họ mê càng sâu hơn. Khuyết điểm ở chỗ này!

(Diễn) Nghĩ chi huỳnh quang giả, Chứng Đạo Ca vân: “Hữu nhị tỳ-kheo phạm dâm sát, Ba Ly huỳnh quang tăng tội kết, Duy Ma đại sĩ đốn trừ nghi, do như hách nhật tiêu sương tuyết”, thị dã.

(演)擬之螢光者，證道歌云：有二比丘犯淫殺，波離螢光增罪結，維摩大士頓除疑，猶如赫日消霜雪是也。

(Diễn: “Phê là ánh sáng đom đóm”: Trong bài Chứng Đạo Ca có đoạn: “Có hai tỳ-kheo phạm tội dâm và giết hại, [trí huệ của ngài] Ưu Ba Ly như ánh sáng đom đóm khiến họ tăng thêm phiền não. Duy Ma Bồ Tát trừ ngay nỗi nghi hoặc của họ, ví như mặt trời rực rỡ, sương tuyết tiêu tan” chính là ý này).

Đây là chuyện được nói trong kinh Duy Ma Cật: Có hai tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới. Tôn giả Ưu Ba Ly chiếu theo giới luật phán tội, khiến họ mê càng sâu. Một câu nói của Duy Ma đại sĩ khiến họ phá được khối mê ấy. Chứng Đạo Ca dẫn dụng công án này. Ngàn vạn phần chúng ta chớ nên hiểu lầm ý nghĩa của đoạn công án này [rời cho rằng]: “Tìm tâm chẳng thể được, tìm tội cũng chẳng thể được, không sao hết! Ta tạo cả đống tội nghiệp, không sao hết!” Quý vị tạo nhiều tội nghiệp nhất định vào địa ngục, đừng nói “không sao hết!” Vì sao kinh nói như thế? Kinh nói như thế, nhưng quý vị chẳng làm được! Nếu quý vị thật sự trong mười hai thời “tìm tâm chẳng thể được”, vậy thì được! Chỗ nào quý vị vẫn là “dụng tâm” (sử dụng cái tâm ý thức, phân biệt, chấp trước) thì sẽ có thể tìm được, chẳng phải là không thể tìm được! Quý vị khởi tâm động niệm: “Tôi chẳng sợ chuyện này, tạo thêm một ít tội nghiệp chẳng sao hết”. Đó chính là tâm. Có tâm là có tội, vô tâm mới không có

tội nghiệp! Suốt ngày từ sáng đến tối luôn có tâm, khi nào mới đạt được vô tâm? Chuyện này chẳng dễ dàng!

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, có Ngã, có Nhân, kinh Kim Cang nói “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”, bốn tướng đầy đủ, vẫn phải kiếm tôn giả Ưu Ba Ly định tội. Duy Ma đại sĩ thấy vậy cũng cảm thấy ngài Ưu Ba Ly định tội không sai! Khi nào quý vị đã phá bốn tướng, không có “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”, tôn giả Ưu Ba Ly sẽ chẳng thể định tội quý vị được! Chẳng biết phải làm sao đối với quý vị! Chúng tôi đặc biệt nói lời này ở đây, hy vọng quý vị phải khéo nghe, phải lưu ý nhiều hơn: Chỉ cần quý vị có bốn tướng thì quý vị làm lành sẽ được thiện báo, làm ác ắt mắc ác báo. Sau khi lìa khỏi bốn tướng thì mới là thiện ác hai đằng đều phá sạch, mới thật sự đạt đến “*tâm và cảnh đều Không*”, đây là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta phải niệm Phật đến Lý nhất tâm thì mới là cảnh giới này. Nói cách khác, từ Sự nhất tâm trở xuống đều có kết tội, vì quý vị chưa lìa khỏi tâm ý thức, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này!

Do vậy, phải tuân thủ giới luật! Không chỉ phải tuân thủ, mà còn phải giữ cho thanh tịnh. Ở đây trích dẫn đoạn kinh văn này có dụng ý rất sâu, chúng ta tuân thủ giới luật hoàn toàn chẳng chấp chết cứng vào giới điều. Vì sao phải giữ giới luật? Giúp chúng ta đạt được cái tâm thanh tịnh. Giới có nghĩa là thanh lương, giúp cho chúng ta tâm địa thanh lương, giúp chúng ta đặc nhất tâm bất loạn. Sau khi đạt được nhất tâm bất loạn, phải biết đột phá, đột phá rồi thì mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nếu chấp trước giới luật, công phu tối đa chỉ có thể là Sự nhất tâm, chẳng thể đạt Lý nhất tâm, đó là chướng ngại. Vì thế, đạt đến cảnh giới này phải đột phá, giống như cư sĩ Duy Ma đã nói: Phải đột phá cửa ải này rồi mới có thể chứng đắc Pháp Thân, mới có thể phá vô minh, thấy bốn tánh.

Vì thế, quan niệm của Đại Thừa và Tiểu Thừa không giống nhau. Pháp Đại Thừa quả thật cao hơn pháp Tiểu Thừa rất nhiều. Trong Giới Kinh (Luật Tạng), kinh Tiểu Thừa kết tội theo Sự, chẳng bàn đến tâm, giống như pháp luật trong thế gian, luận theo sự việc để kết tội, luận theo lỗi lầm để kết tội. Giới luật Đại Thừa chẳng quan tâm đến sự mà luận định tâm. Vì thế, giới Đại Thừa khó giữ, giới Tiểu Thừa dễ tuân thủ. Ví như giới sát sanh, trong tâm tôi căm hận tội bậc, tôi muốn giết anh, nhưng hoàn toàn chẳng giết, đối với Tiểu Thừa chẳng phải là phạm tội, tôn giả Ưu Ba Ly chẳng thể định tội. Vì sao? Không có hành động! Nhưng đối với Đại Thừa Bồ Tát giới, quý vị bị kết tội. Giới Đại Thừa

răn dè nơi tâm địa, giới Tiểu Thừa răn nơi sự tướng. Trong kinh Phạm Võng có phẩm Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới. Đại Thừa luận tâm, không luận sự, kết tội nơi khởi tâm động niệm.

Điều này nhằm nói rõ “giáo chẳng phù hợp căn cơ, như hai tỳ-kheo bị ngài Ưu Ba Ly kết tội”. Vì sao họ hoài nghi? Chúng ta xem đoạn văn này liền hiểu ngay: Họ là căn tánh Đại Thừa, chẳng phải căn tánh Tiểu Thừa. Nếu là căn tánh Tiểu Thừa, họ chẳng hoài nghi, ta phạm tội này, đúng là phải kết tội như vậy. Họ cam tâm tình nguyện chịu [xử phạt]. Người căn tánh Đại Thừa, tuy bị phán tội, trong tâm họ không phục. Do vậy, họ mới có nghi hoặc. Gặp trưởng giả Duy Ma [phân xử] phù hợp căn tánh. Đối với người căn tánh Đại Thừa, nhất định phải dùng pháp Đại Thừa để độ họ; đối với người căn tánh Tiểu Thừa nhất định phải dùng pháp Tiểu Thừa để độ họ. Đoạn này nhằm nói rõ đạo lý này.

(Sớ) Minh ty chi tắc cơ thâm giáo thiển cố.

(疏) 明卑之則機深教淺故。

(Sớ: Chỉ rõ điều kém cõi là [ở chỗ] căn cơ sâu mà giáo pháp nông cạn vậy).

“Minh” là nói rõ, “ty” là “ty hạ” (卑下: kém hèn), “cơ thâm” như vừa mới nói, tức là hai tỳ-kheo căn tánh Đại Thừa. Tôn giả Ưu Ba Ly theo luật định tội họ, đây là tiểu giáo. Căn cơ Đại Thừa chẳng hợp với tiểu giáo.

(Sớ) Tha nhược bất tịnh thác thi lô câu, sở tức bất lợi trung nhân, bỉ thử vi môn, diệc phục các dị, nhi thiển thâm tiểu đại, thế bất kiêm nghi.

(疏) 他若不淨錯施爐鞴，數息不利冢人，彼此為門，亦復各異，而淺深小大，勢不兼宜。

(Sớ: Ngoài ra, giống như lầm lẫn đem Bất Tịnh Quán dạy người kéo bê thổi lò, pháp Sở Tức Quán chẳng tạo lợi ích cho người trông mộ, pháp môn được lập ra cho mỗi bên mỗi khác là do [căn tánh] cạn, sâu, nhỏ, lớn [khác biệt]. Vì tình thế ấy, [những pháp môn ngoài Tịnh Độ] không thể nào thích hợp mọi căn cơ).

Những pháp môn khác cũng phải thích ứng khít khao với căn tánh thì mới có hiệu quả. Nếu căn tánh khác nhau, căn cơ chẳng phù hợp giáo

pháp thì sẽ chẳng đạt được lợi ích. Người học Phật rất nhiều, có người học mấy chục năm, học suốt một đời chẳng đạt được gì, nguyên nhân là ở chỗ nào? Phật pháp họ được tiếp xúc chẳng khác hợp với căn cơ của chính họ, chẳng thích hợp! Vì thế, họ chẳng thành tựu gì! Chọn lựa như thế nào? Giống như bị bệnh vậy! Đã bị bệnh thì phải uống thuốc, thuốc rất nhiều, thử thuốc này, thử thuốc kia, thử cả mấy chục năm vẫn chẳng đúng bệnh. Bệnh tình của chính mình chẳng hề chuyển biến tốt đẹp hơn, đậm ra mỗi ngày một nặng hơn, phiền quá! Vì thế, ắt cần phải khéo cơ. Đúng như khi ta bị bệnh, thuốc phải phù hợp căn bệnh thì mới có thể trị lành bệnh được!

(Diễn) Bất Tịnh Số Tức giả, Xá Lợi Phật giáo đệ tử.

(演) 不淨數息者，舍利弗教弟子。

(Diễn: “Bất Tịnh, Số Tức”: Ngài Xá Lợi Phật dạy đệ tử).

Tôn giả Xá Lợi Phật dạy hai đồ đệ phương pháp tu hành, Ngài dạy một người tu Bất Tịnh Quán, dạy người kia tu Số Tức Quán. Trong An Sĩ Toàn Thư có viết về cách tu Bất Tịnh Quán rất cặn kẽ, có chín thứ Bất Tịnh Quán³. Số Tức là đếm hơi thở, tức là đếm hơi thở hít vào, hoặc đếm hơi thở ra, chẳng cần phải đếm cả hai loại, chỉ đếm một loại, có thể nhiếp tâm, đắc Định, mà cũng đoạn hết thấy vọng niệm. Khi đã tọa (tịnh tọa), quý vị chú ý hơi thở, ghi nhớ phân minh, từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, rõ ràng, rành rẽ, quý vị sẽ chẳng suy nghĩ loạn xạ, dùng phương pháp này tâm có thể đắc Định.

(Diễn) Cửu chi, giai bất thành.

³ Chín thứ Bất Tịnh Quán: Bất Tịnh Quán nhằm đối trị sự tham ái đối với Ngũ Dục trong thế gian, gồm:

1. Quán xác chết phình trương.
2. Quán xác chết xanh bầm.
3. Quán xác chết hư hoại.
4. Quán xác chết ứa máu, chảy mủ.
5. Quán xác chết rữa nát, tuôn máu mủ, giòi bọ lúc nhúc nơi cửu khiêu.
6. Quán giòi bọ đục khoét xác chết.
7. Quán xác chết tan lìa.
8. Quán xác chết rữa hết thịt, chỉ còn xương trắng.
9. Quán xác chết bị thiêu hết không còn gì.

(演) 久之，皆不成。

(Diễn: Đã lâu ngày, họ đều tu chẳng thành).

Hai người đều chẳng thành công, nói cách khác, đều chẳng đắc Định. Trong tâm vẫn còn rất nhiều vọng tưởng.

(Diễn) **Tâm dục phản đạo.**

(演) 心欲返道。

(Diễn: Lòng muốn bỏ đạo).

“Phản đạo” là ngã lòng, tu lâu lắc ngần ấy mà chẳng thành công, chẳng muốn tu nữa!

(Diễn) **Vãng kiến Thế Tôn.**

(演) 往見世尊。

(Diễn: Đến gặp đức Thế Tôn).

Đây là nói đến gặp Phật, xin Phật cho phép thôi tu: Con có tu cũng chẳng thành. Chắc là do tội nghiệp quá nặng, chẳng có phần tu đạo, tính trở về nhà, không tu nữa, không hành nữa, thoái chuyển rồi!

(Diễn) **Thế Tôn vấn nhị nhân tại gia hà nghiệp?**

(演) 世尊問二人在家何業？

(Diễn: Đức Thế Tôn hỏi hai người lúc chưa đi tu làm nghề gì?)

Đức Thế Tôn hỏi: - Lúc tại gia, các ông làm nghề gì?

(Diễn) **Tu Số Tức giả viết: Thủ phần mộ.**

(演) 修數息者曰：守墳墓。

(Diễn: Người tu Số Tức thưa: “Con canh giữ mồ mả”).

Người tu Số Tức Quán nói lúc còn tại gia, ông ta canh giữ mồ mả cho người khác.

(Diễn) **Tu Bất Tịnh giả viết: Dã kim khí.**

(演) 修不淨者曰：冶金器。

(Diễn: Người tu Bất Tịnh Quán thưa: “Con là thợ kim hoàn”).

Người tu Bất Tịnh Quán nói khi ông ta tại gia làm thợ kim hoàn, khám châu báu, nung vàng, luyện vàng, làm những thứ đó.

(Diễn) **Thế Tôn nãi lệnh nhị nhân dịch quán tu chi.**

(演) 世尊乃令二人易觀修之。

(Diễn: Đức Thế Tôn bèn bảo hai người đổi pháp Quán để tu tập).

Đức Phật nghe nói xong, bảo: Hai người hãy trao đổi, người coi mộ tu Bất Tịnh Quán, người thợ bạc tu Sở Tức Quán. Hai người trao đổi pháp tu, tu chẳng bao lâu bèn thành công. Vì sao? Người coi mộ tu Bất Tịnh Quán là vì hằng ngày thấy người chết, dễ quán thành. Người thợ bạc ắt phải kéo ống bễ, phải rất chú tâm, thích hợp cách Sở Tức. Dạy ông ta tu phép Bất Tịnh, ông ta chẳng có khái niệm gì hết. Vì thế, pháp môn nào thích hợp với hạng người ấy, thích hợp với căn tánh của người ấy, sẽ dễ tu thành công!

(Diễn) **Bất cửu giai chứng đạo quả.**

(演) 不久皆證道果。

(Diễn: Không lâu sau, cả hai đều chứng đạo quả).

Đều thành tựu! Nếu pháp chẳng đúng với căn cơ, thưa quý vị, vẫn gọi là “tu mù, luyện đui” y như cũ! Vì thế, mọi người phải hiểu: Ta tu pháp môn này thích hợp, chưa chắc nó cũng thích hợp với người khác. Người khác tu pháp môn kia rất tốt đẹp, chưa chắc đã thích hợp với ta! Giống như chúng ta mắc bệnh không giống nhau, người ta uống loại thuốc kia, uống vào liền hết bệnh, ta cũng uống thuốc của người ấy, ta mắc bệnh không giống người ấy, uống thuốc ấy vào bệnh tăng nặng hơn, nhưng người ấy uống thuốc đó, bệnh liền lành! Đạo lý này ai nấy đều hiểu! Tu hành cũng giống như vậy; pháp môn chẳng đúng với căn cơ thì đều là “tu mù, luyện đui”. Chọn lựa pháp môn hết sức quan trọng, đây là một vấn đề lớn! Hai người ấy may mắn, sanh nhằm thời Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy dạy họ chẳng phù hợp, họ có thể hỏi đức Phật. Nay chúng ta hỏi ai? Tôi lại thưa với quý vị: Hỏi ai cũng đều chẳng đáng tin cậy,

chuyện này phiền lắm! Đây là do chúng ta thiếu phước báo. Vô lượng pháp môn, tu pháp môn nào mới nên? Phải nên tuân thủ pháp môn này; đây là con đường thẳng tắt, ổn thỏa, thích đáng nhất do đức Phật đã truyền lại.

(Sớ) *Duy thử Niệm Phật pháp môn, tam bối cửu phẩm, tất giai độ thoát.*

(疏) 惟此念佛法門，三輩九品，悉皆度脫。

(Sớ: *Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, ba bậc, chín phẩm đều được độ thoát.*)

Phần trên đã nói nhiều lời như thế chỉ vì một câu này. Pháp môn này như thế nào? Bất luận căn tánh nào cũng đều thích hợp! Thượng trung hạ căn đều thích hợp, chẳng như các pháp môn khác chỉ hợp với một loại bệnh nào đó mà thôi! Dùng thuốc ấy để trị bệnh khác chẳng được! Pháp này ví như thuốc A Già Đà, là vạn linh đan, bất luận quý vị bị bệnh gì, dùng thuốc này tuyệt đối chẳng bị rắc rối, chỉ có lợi, chứ không có hại! Đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta phước báo cạn mỏng, chẳng gặp thiện tri thức, tu pháp môn này chắc chắn tốt lành. Có nhiều người chiếu theo pháp môn này tu tập mà chẳng thành công là do mắc lỗi gián đoạn, xen tạp. Nếu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, không ai chẳng thành công. Vì thế, phải nhớ thật kỹ câu này!

“*Duy thử*” (chỉ có): Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, “*tam bối*” (ba bậc) là ba thứ căn cơ thượng, trung, hạ, chữ “*cửu phẩm*” cũng chỉ các căn cơ khác nhau. Trong thượng bối có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ; trong hạ bối có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ, tổng cộng chín phẩm. “*Tất giai độ thoát*” (thầy đều độ thoát): Không có một ai chẳng thành tựu. Vì thế, nay chúng ta chọn lựa pháp môn này, chuyên tu pháp môn này, chuyên hoằng dương pháp môn này. Nói cách khác, chuyên hoằng dương pháp môn này thì những người có cùng căn tánh với chúng tôi, có tín tâm gần giống chúng tôi, tôi có thể đạt được lợi ích, quý vị cũng đều đạt được lợi ích. Những người tín giải khác biệt, họ tu các pháp môn khác, chúng ta chỉ có cách tán thán họ. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, mỗi vị thiện tri thức tu một loại pháp môn, Thiện Tài đồng tử đều nhất loạt tán thán. Chẳng riêng mình Thiện Tài đồng tử tán thán, mà chư thiện tri thức cũng đều tự mình khiêm hư, khen ngợi lẫn nhau.

Ở đây, chúng tôi phải nhắc nhở các vị đồng tu, đức Phật chẳng trụ thế, chúng ta có thể tuân thủ Tứ Y Pháp trong di giáo của đức Phật thì sẽ chẳng khác gì đức Phật tại thế. Điều thứ nhất là “*y pháp, bất y nhân*”; đặc biệt là trong thế gian hiện thời, trong giai đoạn hiện tại, “*ma mạnh, pháp yếu*”, ma nhiều, Phật ít chính là giai đoạn này! Trong kinh Lăng Nghiêm có nói: Trong thời đại hiện tại, “*tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, chúng ta làm cách nào để phân biệt? Do vậy, ắt cần phải nhớ Tứ Y Pháp của Phật. “*Y pháp, bất y nhân*”, bất luận ai nói gì, đúng cũng được, mà trật cũng được, chúng ta không quan tâm đến, chính mình sẽ chẳng bị tổn hại. Pháp là gì? Kinh điển. Kinh điển phải lấy Đại Tạng Kinh làm tiêu chuẩn. Kinh điển này trong Đại Tạng Kinh có hay chẳng? Nếu trong Đại Tạng Kinh không có, kinh ấy không đáng tin, chúng ta đừng nên tin theo, ngay cả chú giải cũng đều là như thế!

Trước kia, Đại Tạng Kinh được biên tập hết sức cẩn thận. Hiện thời, chúng ta đừng xem Đại Tạng Kinh được biên tập theo lối mới, vì sao? Chẳng đủ tiêu chuẩn! Trước kia, Đại Tạng Kinh do hoàng đế ban bố. Chưa được hoàng đế ban chiếu chấp thuận, kinh ấy chẳng được phép lưu thông. Vì sao? Sợ hại người! Nói cách khác, quốc gia lập ra một cơ sở kiểm nghiệm, phải phù hợp tiêu chuẩn mới có thể lưu thông. Chẳng hợp tiêu chuẩn, chẳng được phép lưu thông. Trước kia, kinh điển phiên dịch ra được bao nhiêu người ân chứng không sai lầm, hoàng đế mới ban bố. Các đại đức chú giải kinh, chú sớ đều phải trình lên chính quyền, chính quyền bèn mời rất nhiều cao tăng đại đức thẩm tra, [chứng nhận chú sớ] không bị sai lầm rồi mới trình lên hoàng đế. Hoàng đế phê chuẩn rồi mới được “*nhập tạng*” (đưa vào Đại Tạng Kinh), [tức là] chép vào Đại Tạng Kinh. Chẳng giống như hiện thời, chúng ta có tiền mở thư cục, tác phẩm nào của quý vị rất hay, tôi bèn đem sách của quý vị ghép vào Đại Tạng Kinh, chẳng có tiêu chuẩn! Vì lẽ này, đối với những bản sách trong hiện thời, càng là bản xưa càng quý báu, vì sao? Tiêu chuẩn càng cao!

Thứ hai là “*y nghĩa, bất y ngữ*”, ngôn ngữ, văn tự có sai khác đôi chút chẳng sao, đừng chấp chết cứng nơi văn tự. Chẳng hạn như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, chúng ta rốt cuộc nên dựa theo bản nào? Không sao cả! Chỉ cần ý nghĩa giống nhau là được rồi, văn tự sai khác đôi chút không sao hết, quan trọng là ý nghĩa. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta trích dẫn kinh, hay đọc chú giải, hoặc nghe giảng, quan trọng nhất là phải hiểu được ý nghĩa trong ấy. Hiểu rõ ý nghĩa thì trong tương lai quý vị nói với người khác, quý vị thích nói như thế nào bèn nói như thế ấy,

đừng học theo ngôn ngữ, học ngôn ngữ là học chết cứng! Hiểu được ý nghĩa bèn sống động, nương theo nghĩa, chẳng nương theo ngôn ngữ, như vậy thì mới có thể tránh được rất nhiều tranh chấp!

Thứ ba là “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. Nói đơn giản, những gì có thể giúp cho quý vị thoát lìa luân hồi, liễu sanh tử, thoát tam giới trong một đời này thì là “*liễu nghĩa*”. Nếu kinh điển nào không có cách gì giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi trong một đời này, kinh điển ấy gọi là “*bất liễu nghĩa*”. Pháp môn cũng như vậy, [pháp môn nào] chẳng thể vượt thoát tam giới thì pháp môn ấy chẳng phải là pháp môn liễu nghĩa, có thể vượt thoát tam giới sanh tử luân hồi thì gọi là pháp môn liễu nghĩa. Nay chúng ta thấy trong tất cả các pháp môn, pháp môn này có thể làm cho chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vậy thì pháp môn này là pháp môn liễu nghĩa, kinh này là kinh điển liễu nghĩa.

Thứ tư, “*y trí, bất y thức*”. Trí là trí huệ, lý trí. Thức là cảm tình, người học Phật phải dựa trên lý trí, đừng nương theo cảm tình. Nương theo cảm tình sẽ thuộc vào sanh tử, luân hồi! Nương theo Lý Trí mới có thể vượt thoát. Vì thế, thời thời khắc khắc đả người tiếp vật phải có lý tánh, đừng trọng cảm tình. Đức Phật dạy chúng ta bốn nguyên tắc này. Có thể tuân thủ bốn nguyên tắc này, sẽ chẳng khác gì thân cận Phật!

Kinh điển, nhất là những kinh điển lưu truyền từ xưa đến nay, đối với những lý luận, phương pháp, cảnh giới được nói trong các kinh điển chúng ta phải nên tin sâu chẳng nghi, phải y giáo tu hành. ***Hiện thời, có rất nhiều người phê bình kinh điển, hủy báng kinh điển, thậm chí còn muốn sửa đổi kinh điển. Những kẻ ấy đều là yêu ma, quỷ quái, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, đừng bị bọn chúng lừa gạt!*** Nếu bọn chúng nói chúng nó là vị Phật nào đó tái lai, Phật tái lai cũng chẳng thể sửa kinh, vì sao? Phật Phật đạo đồng! Nếu pháp do đức Phật này nói, đức Phật kia bảo là không đúng thì kẻ [nêu ra thuyết] đó nhất định là yêu ma quỷ quái, vì sao? Kiến giải của chư Phật hoàn toàn tương đồng! Quý vị đã thành Phật thì [sẽ nói] kinh điển chẳng sai chút nào, [người nói] hoàn toàn giống với lời Phật nói thì người ấy mới là Phật. Lại xem đoạn tiếp theo, đại sư lại vì chúng ta mà chẳng ngại phiền giảng rõ câu “*tam giới cứu phẩm, tất giai độ thoát*”.

(Sớ) Triệt thượng, tắc tam tâm viên phát, trực nhập Vô Sanh, triệt hạ, tắc thập niệm thành công, diệt sanh bỉ quốc. Sớ vị: “Bất ly nhất pháp, xảo bị chư căn”.

(疏)徹上，則三心圓發，直入無生，徹下，則十念成功，亦生彼國。所謂不離一法，巧被諸根。

(Sớ: *Thông trên thì phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh, thấu dưới thì mười niệm thành công cũng sanh về cõi kia. Đây gọi là: “Chẳng lìa một pháp, khéo phù hợp các căn”*).

Đây là giải thích câu “*tam căn phổ bị, lợi độn tề thâm*”. Tam tâm viên phát là gì? Quý vị hãy mở sách Diễn Nghĩa, ở đây chúng ta phải đặc biệt chú ý, vì sao? Có mối quan hệ khiến ta có thể vãng sanh trong một đời này hay không? Không chỉ quan hệ về vãng sanh, mà còn quan hệ đến phẩm vị vãng sanh cao hay thấp, hy vọng mọi người trong cuộc sống thường ngày đều vận dụng ba thứ tâm này, tức là [ba tâm] như đức Phật đã nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

(Diễn) *Tam tâm, tức Quán Kinh sớ vân: Nhất giả, chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm.*

(演)三心，即觀經所云：一者至誠心，二者深心，三者回向發願心。

(Diễn: *Tam tâm là như Quán Kinh đã nói: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm*).

“*Tam tâm*” là nhất tâm, tức là Bồ Đề tâm, là Phật tâm. Phật là tâm gì vậy? Phật là những tâm này! Cái tâm của chúng ta khác với tâm Phật, cho nên chúng ta chưa thể thành Phật. Nếu tâm chúng ta giống như Phật thì sẽ thành Phật, thành Phật chẳng phải là thân thành Phật, mà là tâm thành Phật, quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Thứ nhất là “*chí thành*”, thành đến mức cùng cực, “*thành*” là thật, chẳng có tí ti hư giả nào. Tâm ấy gọi là “chân tâm”, đối với hết thảy người, đối với hết thảy vật đều phải dùng tấm lòng chân thành, nhất định chẳng lừa dối người khác. Cũng có những vị cho rằng: “Nếu tôi dùng chân tâm, thành tâm, tôi làm gì cũng chẳng sông sẻ!” Có người nói: “Tôi buôn bán, nếu tôi chẳng gạt người ta, làm sao kiếm tiền được?” Thật ra những quan niệm ấy đều sai lầm. Nếu nói gạt người sẽ kiếm được tiền thì kẻ gạt người rất nhiều, có sao họ mạt rệp như thế? Đủ thấy những món tiền họ kiếm được chẳng do lừa gạt mà có! Trong kinh, đức

Phật đã dạy chúng ta: Của cải do tu Tài Bồ Thí trong đời quá khứ đưa tới, trong mạng quý vị có! Tâm quý vị chân thành thì nay quý vị buôn bán kiếm được tiền nhiều ngàn ấy. Quý vị sử dụng hết mọi thủ đoạn lừa gạt thì nay quý vị vẫn kiếm được đúng ngàn ấy, chẳng tăng, chẳng giảm, sao lại khổ sở lừa gạt người khác? Chẳng cần thiết! Cổ nhân nói: “*Quân tử vui vẻ làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân*”. Trong mạng của quý vị đã có sẵn, một miếng ăn, một hóp uổng không gì chẳng phải đã định sẵn, chẳng dính dáng gì với dụng tâm. Quý vị dùng chân tâm, ngày nay quý vị có được nhiều ngàn ấy; quý vị dùng giả tâm, quý vị vẫn được nhiều ngàn ấy, chẳng liên can! Nhưng quý vị dùng chân tâm thì có thể thành Phật, dùng giả tâm phải đọa tam đồ. Đó là oan uổng! Vì thế, đãi người, tiếp vật phải dùng lòng chân thành, đừng nên hư nguy. Đó là cơ sở và căn bản để “học Phật, thành Phật”. Đây là bản thể của Bồ Đề tâm, bản thể là chí thành.

Hai tâm kế tiếp là ứng dụng. Thâm tâm là Tự Thụ Dụng tâm, để chính mình thụ dụng, đối với chính mình. Chân thành chí thành tâm đối với chính mình khởi tác dụng thì gọi là “*thâm tâm*”. Vì vậy, thâm tâm là thanh tịnh tâm. Con người thích nhất là tâm thanh tịnh, đó là niềm vui tối cao! Người thâm tâm thanh tịnh là người sung sướng nhất. Thâm tâm là thanh tịnh tâm, chuộng thiện ưa đức là thâm tâm, Tự Thụ Dụng đấy! Đối đãi người khác như thế nào? Chí thành đối đãi người khác là hồi hướng phát nguyện tâm. Trí huệ, năng lực, thân thể, tài sản của chúng ta đều công hiến cho xã hội, mưu cầu phước lợi cho đại chúng, đó là hồi hướng phát nguyện tâm. Chẳng vì chính mình mà vì hết thảy chúng sanh, đó là hồi hướng, hồi tự hướng tha. Hồi tự hướng tha thì có phải là công đức của chính mình chẳng còn nữa hay chẳng? Chẳng phải! Trong kinh Địa Tạng nói: Nếu chính mình tu hành mà chẳng hồi hướng thì lợi ích chỉ được một đời, tối đa là ba đời. Nếu hồi hướng, đúng là trăm kiếp ngàn đời hưởng thụ phước báo bất tận!

Hồi hướng giống như thắp đèn: Dùng một ngọn đèn của ta thắp sáng hết thảy các ngọn đèn. Hết thảy các ngọn đèn đều được thắp lên, đèn của ta vẫn cháy, trọn chẳng bị tắt. Trọn chẳng phải là ta san sẻ lửa đèn cho người khác, đèn của ta liền tắt. Không có! Chỉ càng thêm sáng sủa, vì sao? Ví như một căn nhà, ta thắp một ngọn đèn chiếu sáng, nhưng mấy ngàn ngọn đèn, mấy vạn ngọn đèn thảy đều thắp lên, càng sáng rực hơn! Khuếch đại công đức do chính mình đã tu, khuếch đại đến vô lượng vô biên tận hư không khắp pháp giới, làm sao bị tổn thất cho được? Chẳng bị tổn thất! Đức Phật dạy chúng ta phát bốn hồng thệ nguyện

đều là hồi hướng. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát cũng là hồi hướng. Hai nguyện trước trong ba nguyện cuối cùng là “*biệt hồi hướng*”, một nguyện sau cùng là tổng hồi hướng, “*phổ giai hồi hướng*”. Lại thưa cùng quý vị, nếu chẳng hồi hướng, quý vị sẽ chẳng phá được Nhân Ngã Chấp, niệm niệm vì chính mình. Nếu quý vị chịu hồi hướng, sẽ bất tri bất giác phá Ngã Chấp trong ấy, phá Ngã Chấp sẽ chứng địa vị Tứ Quả La Hán. Nếu quý vị niệm Phật bèn có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị chẳng phá Ngã Chấp, đời nghiệp vãng sanh bèn sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn mang thân phàm trần người, điều này có quan hệ rất lớn đối với phẩm vị. Có thể niệm niệm đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, sẽ vô ý phá được Ngã Chấp; đã vô ngã rồi, chúng ta niệm Phật mới có thể đắc nhất tâm bất loạn, như vậy thì mới có thể sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, hay cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị được nâng cao lên rất nhiều!

Quý vị phải ghi nhớ: Tam tâm là nhất tâm, một tâm (chỉ thành tâm) là Thể, hai tâm kia (thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm) là Dụng. Một Thể, hai Dụng. Một cái là Tự Thụ Dụng, một cái là Tha Thụ Dụng. Vì thế, tam tâm là nhất tâm, Thể và Dụng của nhất tâm là nói theo ba phương diện. Lại giảng thế nào là “*viên phát*”?

(Diễn) Viên giả, viên đốn, vô thứ đệ cố.

(演) 圓者圓頓，無次第故。

(Diễn): Viên là viên đốn, không theo thứ tự).

Viên có ý nghĩa như thế này: Chẳng có giai cấp, chẳng có thứ tự trước sau. Hễ phát thì cả ba tâm đồng thời đều phát, chứ không phải là trước hết ta phát chỉ thành tâm, rồi phát thâm tâm, sau đấy mới phát ra cái tâm phát nguyện hồi hướng. Chẳng phải vậy, mà là đồng thời. Đồng thời thì là Viên, thì là Đốn!

(Diễn) Hựu viên dung, vô bỉ thử cố.

(演) 又圓融，無彼此故。

(Diễn): Lại là viên dung, không có đây, kia).

Viên có ý nghĩa như thế này: Ý nghĩa viên dung, chẳng có đây hay kia.

(Diễn) Hựu viên mãn, vô khuyết thiếu cố.

(演) 又圓滿，無缺少故。

(Diễn: Lại có nghĩa là viên mãn, không thiếu sót).

Đây là ý nghĩa khác của chữ Viên, Viên bao gồm rất nhiều ý nghĩa: Viên mãn, chẳng có thiếu sót!

(Diễn) Thử thị viên nhân.

(演) 此是圓人。

(Diễn: Đây là người căn tánh viên đốn).

Thưa quý vị, người thật sự phát những tâm ấy là người căn tánh viên đốn trong năm giáo. Do vậy, để xét xem căn tánh của con người là căn tánh Đại Thừa hay căn tánh Tiểu Thừa, căn tánh Biệt Giáo, căn tánh Thông Giáo, hay căn tánh Viên Giáo thì xét từ chỗ nào? Xét từ phát tâm. Xét sự phát tâm thì quý vị tiếp xúc, quan sát, chuyện trò mấy câu liền biết ngay, biết người ấy dùng cái tâm gì, thuộc hạng nào trong Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nói cách khác, nên dùng giáo pháp nào thì mới khế hợp căn cơ của người ấy. Căn tánh viên đốn nhạy bén nhất là bậc thượng thượng căn. Chỉ có phát trọn vẹn ba tâm thì mới có thể tiếp nhận Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cũng như kinh Phạm Võng. Những kinh ấy đều là pháp Nhất Thừa, người ấy vui thích tiếp nhận, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thật sự đã phát ba tâm ấy.

(Diễn) Tựu viên dung tam pháp nhi phát tâm dã.

(演) 就圓融三法而發心也。

(Diễn: Bèn viên dung ba pháp mà phát tâm).

Đó gọi là người căn tánh viên đốn, hoặc còn gọi là chủng tánh viên đốn.

(Diễn) Đương tri phát thử tam tâm thị nhân.

(演) 當知發此三心是因。

(Diễn: Hãy nên biết: Phát ba tâm này là nhân).

Có nhân lại còn có duyên, đương nhiên có quả báo.

(Diễn) Thị vị sanh Tịnh Độ thời sự.

(演) 是未生淨土時事。

(Diễn: Đó là chuyện trước khi sanh về Tịnh Độ).

Đây là bảo chúng ta: Phát trọn vẹn ba tâm là [nhằm nói về] chúng ta trong hiện tại, hiện thời chúng ta vẫn chưa sanh về Tịnh Độ, [còn đang] cầu sanh Tịnh Độ, vẫn chưa sanh về Tịnh Độ. Quý vị đã phát trọn vẹn ba tâm, niệm một câu A Di Đà Phật, sẽ gọi là Lý niệm, nhất tâm bất loạn mà quý vị đặc chính là Lý nhất tâm bất loạn, chẳng phải là Sự nhất tâm. Người đã phát trọn vẹn ba tâm rất dễ khai ngộ, vì sao? Người ấy ít chướng ngại. Vì sao ít chướng ngại? Chẳng có nghi lự gì! Phàm là kẻ lăm chướng ngại, nghi thần, nghi quỷ, lăm nổi hoài nghi, lo lắng quá nhiều, đó là chướng ngại. Người đã phát trọn vẹn ba tâm, lo lắng gì cũng chẳng có, nghi hoặc gì cũng không có. Do vậy, đối với hết thầy kinh giáo, người ấy dễ dàng khai ngộ. Những thứ ấy đều phải do chính mình cầu, người khác chẳng giúp đỡ được. Nói theo cách bây giờ, đây chính là thiết lập một nhân sinh quan và vũ trụ quan mới mẻ.

Đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, hết thầy chẳng hoài nghi, hết thầy không vướng mắc, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tiếp xúc hết thầy các pháp, tâm khai ý giải, tự nhiên có thể lý giải, đây chính là trí huệ Bát Nhã trong bốn tánh khởi tác dụng. Thiên gia thường nói “*liạ tâm ý thức*”, ba tâm bèn hiển lộ. Tâm là vọng tưởng, Ý là chấp trước, Thức là phân biệt. Nói cách khác, trong hết thầy các pháp chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng khởi vọng tưởng, người ấy tự tại lắm! Đó là người căn tánh viên đốn thật sự. Câu “*vị sanh Tịnh Độ thời sự*” (chuyện thuộc lúc chưa sanh về Tịnh Độ) chính là nói về chúng ta trong hiện thời.

(Diễn) Thị Viên Thập Tín vị trung sự.

(演) 是圓十信位中事。

(Diễn: Là chuyện thuộc về địa vị Thập Tín trong Viên Giáo).

[Đây là] chuyện thuộc về địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Tuy thuộc Thập Tín, nhưng chỗ thù thắng của địa vị Thập Tín trong Viên

Giáo là Thập Tín trong Viên Giáo bằng với địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo; nhưng so ra, căn tánh phải nặng hơn hàng Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo rất nhiều.

Tam Hiền Bồ Tát trong Biệt Giáo vẫn có nhiều chương ngại, Thập Tín trong Viên Giáo ít chương ngại. Vì vậy, người căn tánh viên đốn đáng quý nhất, khó có nhất.

(Diễn) Trục nhập Vô Sanh thị quả.

(演) 直入無生是果。

(Diễn: Chứng nhập thẳng vào Vô Sanh là quả).

Trục nhập Vô Sanh là quả báo.

(Diễn) Thị dĩ sanh Tịnh Độ thời sự, thị chứng Viên Sơ Trụ thời sự.

(演) 是已生淨土時事，是證圓初住時事。

(Diễn: Đó là chuyện khi đã sanh vào Tịnh Độ, là chuyện khi đã chứng Sơ Trụ trong Viên Giáo).

Thật là phi phạm! Sơ Trụ trong Viên Giáo là gì? Là Lý nhất tâm bất loạn, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta nói là Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật. Trong bài kệ Hồi Hương ta thường niệm có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*” là nói về người thuộc quả vị này. Nếu quý vị hỏi: Lý nhất tâm là gì? Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, đều dùng chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm thì đó là Lý nhất tâm. Ất phải trong hết thảy cảnh duyên thuận và nghịch, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), rèn luyện trong hết hoàn cảnh vật chất và nhân sự, luyện gì vậy? Luyện chân thành! Người khác đối xử tốt đẹp với ta, ta dùng tâm chân thành đối với người ấy. Người khác chơi xấu ta, ta vẫn phải dùng cái tâm chân thành để đối đãi kẻ ấy, nhất quyết chẳng có hai tâm! Ta đối với Phật, Bồ Tát bằng cái tâm chân thành, đối với kẻ oan gia đối đầu vẫn dùng tấm lòng chân thành, nhất tâm, chẳng nhị tâm, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị dùng cái tâm này, bất luận trong cảnh giới nào, tâm quý vị luôn thanh tịnh, từ bi, hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ đại bi.

Quý vị chẳng chịu dùng cái tâm này thì nói cách khác, quý vị chẳng tu Lý nhất tâm, còn có cách gì nữa đây? Đây là chuyện của chính

mình, Phật, Bồ Tát chắc chắn chẳng giúp được! Có thể chuyển cảnh giới hay không là do trong một niệm của quý vị. Trong thế gian này, quý vị vẫn còn phân biệt nhân ngã, thị phi thì chẳng những không có phần nơi Viên Giáo, mà Biệt Giáo và Thông Giáo cũng chẳng có phần, chắc chắn thuộc vào Tạng Giáo, tức là tầng thấp nhất trong Tạng - Thông - Biệt - Viên. Chỉ có người thuộc Tạng Giáo mới phân chia nhân ngã, thị phi, mới có những chấp trước nghiêm trọng như vậy. Người thuộc Thông Giáo đã biến đổi lớn lao, chẳng còn chấp trước nữa.

(Diễn) Tam tâm viên phát trực nhập Vô Sanh giả, vị dẫn năng tam tâm viên phát giả, sanh Tịnh Độ thời tức trực nhập Vô Sanh dã.

(演)三心圓發直入無生者，謂但能三心圓發者，生淨土時即直入無生也。

(Diễn): “Phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh” ý nói: Chỉ cần phát trọn vẹn ba tâm thì lúc sanh vào Tịnh Độ liền lập tức chứng nhập Vô Sanh).

Câu này nói hết sức rõ ràng, chỉ cần quý vị dùng ba tâm (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), từ nay trở đi, ta đối với người bằng lòng chân thành, kẻ khác luôn dối gạt ta, được thôi! Tiêu nghiệp chướng cho chính mình! Chẳng những chớ nên trách móc kẻ ấy, mà ngược lại còn dập đầu cảm tạ hắn. Vì sao? Tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy kiếp đến nay. Người ta chửi chúng ta một câu là tiêu trừ nghiệp chướng, nếu quý vị chửi lại người ta một câu, quý vị không chỉ chẳng tiếp nhận người ta thay mình tiêu trừ nghiệp chướng, mà chính mình còn muốn tạo nghiệp, tăng thêm tội! Vì thế, đối với người hiểu biết: Chịu thiệt thòi là chiếm tiện nghi. Kẻ chẳng chịu thua thiệt là kẻ chẳng biết tiếp nhận cách tiêu nghiệp chướng. Vì thế, quý vị đọc kinh Phật phải mở mang trí huệ, nhất định phải giác ngộ.

Trực nhập Vô Sanh là trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, quý vị chẳng vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chẳng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Người sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm có ai chẳng biết trước lúc mất? Có ai chẳng sanh tử tự tại? Ngay cả bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng đều biết trước lúc mất, lúc lâm chung như nhập Thiên Định, hưởng hồ bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Thật Báo! Vì thế, quý vị nhất định phải khéo dụng tâm, phải dùng chân tâm, chớ nên hư tình giả

ý, [nếu hư tình giả ý] kẻ chịu thiệt thòi là chính mình, chắc chắn chẳng phải là người khác! Hôm nay chúng tôi giảng kinh văn đến chỗ này!